

**BỔ SUNG LOÀI *LOXOSTIGMA FIMBRISEPALUM* K. Y. PAN
(HỌ TAI VOI - GESNERIACEAE DUMORT) CHO HỆ THỰC VẬT VIỆT NAM**

ĐỖ THỊ XUYẾN, VŨ XUÂN PHƯƠNG

Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật

Theo W. T. Wang et al. 1998 [9], chi *Loxostigma* C. B. Clarke - Xuyên thư thuộc họ Tai voi - Gesneriaceae là một chi nhỏ, với khoảng 7 loài chỉ có ở châu Á. Ở Việt Nam, trước đây chỉ biết có 4 loài. Trong quá trình nghiên cứu mẫu vật của chi này và các tài liệu ở Việt Nam, chúng tôi đã phát hiện được loài *Loxostigma fimbrisepalum* K. Y. Pan - Xuyên thư đài có lông mi nhỏ. Đây là loài trước kia được coi là đặc hữu của Trung Quốc (mới chỉ thấy ở Quảng Tây, Vân Nam), hiện chúng tôi đã ghi nhận có ở Lào Cai, Cao Bằng. Như vậy, đây là loài bổ sung cho hệ thực vật Việt Nam và chi *Loxostigma* C. B. Clarke ở Việt Nam hiện được ghi nhận có 5 loài.

Đối tượng nghiên cứu là các đại diện của chi *Loxostigma* ở Việt Nam, bao gồm các mẫu khô được lưu giữ tại các phòng tiêu bản thực vật của Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật (HN), Viện Sinh học nhiệt đới (VNM), Viện Dược liệu (HNPI), Trường đại học Khoa học tự nhiên, Hà Nội (HNU), Viện Thực vật Côn Minh (KUN), Viện Thực vật Hoa Nam, Trung Quốc (SBCI), Bảo tàng Lịch sử tự nhiên Pa-ri, Pháp (P)... và các mẫu tươi thu được trong các cuộc điều tra thực địa.

Chúng tôi đã áp dụng phương pháp nghiên cứu so sánh hình thái để phân loại. Đây là phương pháp truyền thống được sử dụng trong nghiên cứu phân loại thực vật từ trước đến nay.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Khoá định loại các loài thuộc chi *Loxostigma* đã biết ở Việt Nam

1A. Lá bắc có mép nguyên; vòi nhụy có lông; lá thường dày, dai, có lông ở mặt dưới.

2A. Lá có lông ở hai mặt; cuống cụm hoa thường không tới 8 cm. Tràng có màu trắng, đỏ đậm đến hồng.

3A. Lá bắc hình trứng tới thuôn; cuống cụm hoa 5-8 cm; thùy đài có răng; tràng dài 3,5-4 cm, trắng tới đỏ đậm; bầu nhẵn.....**1. *L. mekongense***

3B. Lá bắc hình đường; cuống cụm hoa ngắn 1-5 cm; thùy đài nguyên; tràng dài 2,5-3 cm, màu hồng tới trắng, bầu có lông.....**2. *L. cavaleriei***

2B. Lá mặt trên nhẵn; cuống cụm hoa thường dài 14-16 cm. Tràng có màu đỏ tía.....**3. *L. brevipetiolatum***

1B. Lá bắc có mép lượn sóng hay xẻ răng cưa; vòi nhụy nhẵn; lá thường mềm, mỏng, nhẵn ở mặt dưới.

4A. Tràng dài 3-4,0 cm, màu vàng nhạt. Quả nang dài 6-10 cm.....**4. *L. griffithii***

4B. Tràng dài 4,0-4,8 cm, màu trắng-xanh nhạt. Quả nang dài 5-6 cm.....**5. *L. fimbrisepalum***

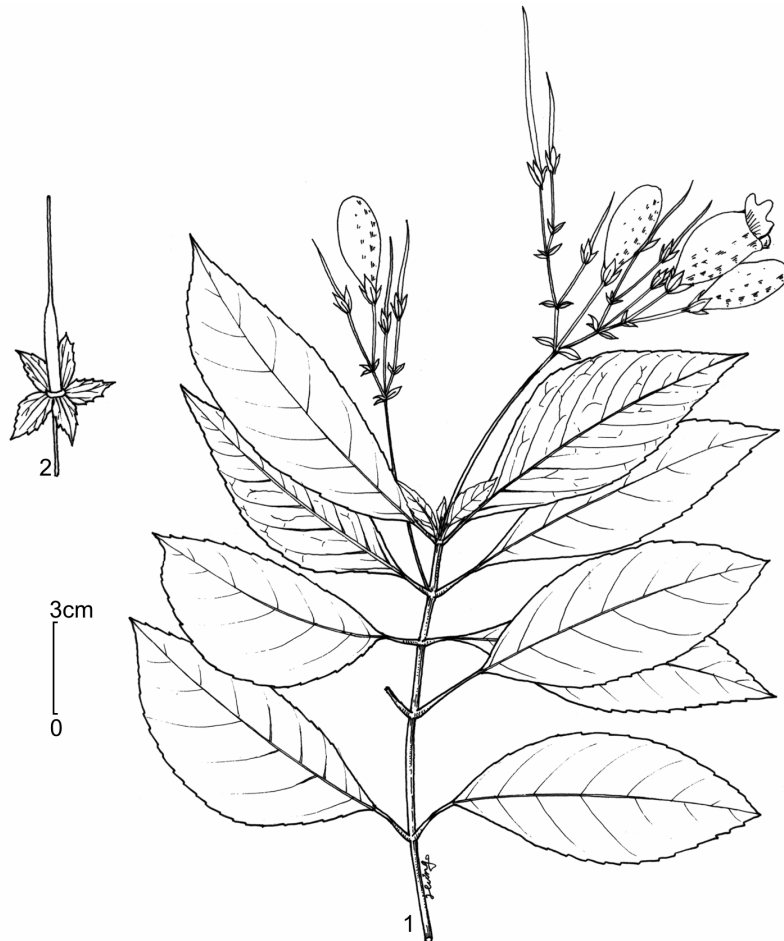
2. Mô tả loài được bổ sung cho hệ thực vật

Loxostigma fimbrisepalum K. Y. Pan - Xuyến thư đài có lông mi nhỏ

K. Y. Pan, 1982. Bull. Bot. Res. Harbin 2(2): 143; id. 1990, Fl. Reip. Pop. Sin. 69: 497, pl. 136 (1-3); id. 1998, Fl. China, 18: 374.

Cỏ có thân cao 50-100 cm, có lông thưa rải rác hay gần như nhẵn. Lá mọc đối dọc thân, thường mềm, mỏng, từng đôi không bằng nhau hay gần bằng nhau, hình trứng tới bầu dục rộng, cỡ 8-20 × 3,0-8 cm; chóp lá nhọn; gốc lá lệch hay gần bằng nhau, cụt hay tròn; mép lượn sóng hay xẻ răng cưa; mặt trên có lông mềm ngắn rải rác; mặt dưới gần như nhẵn; cuống lá dài 0,5-4 cm. Cụm hoa xim phân nhánh 2-5 lần, mang 5-18

hoa; cuống cụm hoa dài 5-20 cm, có lông rải rác hay nhẵn. Lá bắc hình trứng tới trứng rộng, cỡ 5-10 × 1,6-8 mm, mép xẻ răng cưa nhỏ hay lượn sóng. Cuống hoa dài 1-2 cm. Đài 5 thùy xẻ sâu đến gốc; các thùy hình trứng tới tam giác rộng, bằng nhau, cỡ 6-8 × 3-5 mm, mép xẻ răng nhỏ tới nguyên. Tràng màu trắng hay xanh nhạt, họng nâu vàng, có đốm tía, dài 4,0-4,8 cm, có lông rải rác ở mặt ngoài, nhẵn ở mặt trong; ống cỡ 3-3,2 × 1,5-2 cm; 2 môi: môi trên 2 thùy, gần tròn, cỡ 4-5 × 6-7 mm; môi dưới 3 thùy dài hơn môi trên. Nhị 4, chụm lại từng đôi ở bao phấn, nhị phía trên dài 1,7 cm, nhị phía dưới dài 2,5 cm nhẵn. Nhị bất thụ dài 2 mm. Triền tuyến mật dạng vòng, cao 1 mm. Nhụy dài 2,2-2,5 cm, nhẵn. Vòi dài 1,1-1,3 cm, nhẵn. Quả nang dài 5-6 cm. Hạt có phần phụ dài 1,1-1,2 mm (hình 1-2).



Hình 1-2. *Loxostigma fimbrisepalum* K. Y. Pan

1. Cành mang hoa và quả non; 2. Đài và bộ nhụy
(hình vẽ theo mẫu HNK 401, HN; người vẽ N. Q. Hưng)

Loc. class.: China, Yunnan.

Typus: A. Henry 11245 (SCBI; Iso. MO).

Sinh học và sinh thái: Mùa hoa tháng 9-11. Gặp trong rừng núi đá vôi, bám trên đá hoặc trên cây, ở độ cao 900-1600 m.

Phân bố: Lào Cai (Vườn quốc gia Hoàng Liên - Sa Pa; Khu Bảo tồn thiên nhiên Hoàng Liên - Văn Bàn), Cao Bằng (Nguyên Bình). Còn gặp ở Trung Quốc (Quảng Tây, Vân Nam).

Mẫu nghiên cứu: Lào Cai, HNK 401 (HN); TV 461 (HN). - Cao Bằng, CBL 141 (HN).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Backer C. A. & C. R. Bakhuizen**, 1965: Flora of Java, 2: 518-534. Netherlands.
2. **Burt B. L.**, 1975: Studies in the Gesneriaceae of the old world XL. The genus *Loxostigma*. Notes Roy. Bot. Gard. Edinburgh 34(1): 101-105.
3. **Davidson R. & Burt B. L.**, 1954. Notes Roy. Bot. Gard. Edinburgh 21(4): 193-208.
4. **Phạm Hoàng Hộ**, 2000: Cây cỏ Việt Nam, 3: 12 - 29. Nxb. Trẻ, tp. Hồ Chí Minh.
5. **Pan K. Y. in W. T. Wang, K. Y. Pan & Z. Y. Li**, 1990: Flora Reipublicae Popularis sinicae, 69: 125- 581. Science Press, Beijing.
6. **Pellegrin F. in H. Lecomte**, 1930: Flore générale de L'Indo-chine, 4: 487-565. Paris.
7. **Vũ Xuân Phương**, 2005: Danh lục các loài thực vật Việt Nam, 3: 235-246. Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
8. **Wang W. T.**, 1984: Bull. Bot. Res., 4(1): 9-35.
9. **Wang W. T. et al.**, 1998: Flora of China, 18: 367-368.

A NEW RECORD OF SPECIES *LOXOSTIGMA FIMBRISEPALUM* K. Y. PAN (GESNERIACEAE DUMORT) FOR THE FLORA OF VIETNAM

DO THI XUYEN, VU XUAN PHUONG

SUMMARY

According to W. T. Wang et al., 1998 [9], the genus *Loxostigma* C. B. Clarke had about 7 species mainly distributed Asia. There were 4 *Loxostigma* species in Vietnam. This paper reported a new record of *Loxostigma fimbrisepalum* K. Y. Pan for the flora of Vietnam.

Loxostigma fimbrisepalum is herbs, stems 50-100 cm, sparsely puberulent, or near glabrescen. Leaves opposite, spread along stem; leaf blade ovate to broadly elliptic, 8-20 × 3.0-8 cm, apex acuminate, sparsely puberulent on both of surfaces. Cymes branched 2-5, 5-18-flowered; peduncle 5-20 cm; bracts ovate to broadly ovate. Pedicel 1-2 cm. Calyx 5-sect from near base; segments equal; corolla white or light green, inside yellow-brown with purple spotted, ca. 4.0-4.8 cm long, outside sparsely pubescent, inside glabrous; Stamens 4, coherent at the anther; staminode ca. 2 mm long. Pistil 2.2-2.5 cm, glabrous. Style 1.1-1.3 cm. Capsule 5-6 cm. Seed appendages 1.1-1.2 mm.

This species is closed to *L. griffithii* but differs by having as stem sparsely puberulent or near glabrous; corolla 4.0-4.8 cm long, white or light green; capsule 5-6 cm long.

Voucher specimens were collected in Hoang Lien - Sa Pa national park and Hoang Lien - Van Ban Nature reserve, Lao Cai province; Nguyen Binh district, Cao Bang province, deposited in the Herbarium of the Institute of Ecology and Biological Resources, Hanoi, Vietnam (HN).

Ngày nhận bài: 10-8-2011